

NHẬN DIỆN MỘT SỐ TIỀM NĂNG VỐN TỰ NHIÊN CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ TĨNH

NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT

Tóm tắt: Hà Tĩnh nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt, có ý nghĩa và lợi thế quan trọng trong việc mở rộng giao lưu kinh tế. Ngoài ra, tỉnh có nhiều lợi thế về vốn tự nhiên như tài nguyên đất, nước, rừng, biển... phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn những hạn chế, chủ yếu tập trung khai thác tiềm năng đất đai, chưa tương xứng với tiềm năng vốn tự nhiên. Vì vậy, cần có những giải pháp phát huy giá trị của vốn tự nhiên có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Từ khóa: vốn tự nhiên, phát triển nông nghiệp, biến đổi khí hậu, Hà Tĩnh

IDENTIFYING SOME NATURAL CAPITAL POTENTIAL FOR AGRICULTURE DEVELOPMENT OF HA TINH PROVINCE

Abstract: Ha Tinh is located in the center of the North Central region, which is a special strategic area, having strategic significance and important advantages in expanding economic exchanges. In addition, the province has many advantages in terms of natural capital such as land, water, forest, marine... for agricultural development. However, besides the achieved results, the province's socio-economic development still has limitations, mainly focusing on exploiting land potential, not commensurate with the potential of natural capital. Therefore, it is necessary to have solutions to promote the value of natural capital, which is important for the agricultural development of the province.

Keywords: natural capital, agricultural development, climate change, Ha Tinh

1. Đặt vấn đề

Các nguồn vốn tài chính, nhân lực, khoa học và công nghệ, tài nguyên thiên nhiên là những đầu vào quan trọng của mỗi nền kinh tế. Trong đó, tài nguyên thiên nhiên chính là nguồn vốn quan trọng của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ và địa phương. Tuy nhiên, cũng giống như các dạng vốn khác, vốn tự nhiên cũng có thể bị suy giảm và suy thoái do quá trình sản xuất và tiêu dùng.

Để giải quyết các vấn đề này, đồng thời tạo động lực phát triển bền vững và nâng cao chất lượng tăng trưởng và sự thịnh vượng quốc gia cần có các giải pháp bảo tồn và sử dụng các

nguồn vốn tự nhiên hiệu quả. Phát triển kinh tế bền vững thông qua việc thúc đẩy các mô hình kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn vốn tự nhiên đang là xu hướng phát triển mới, để giữ gìn và bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế xã hội bền vững. Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi năm 2020) đã bổ sung các nội dung về các công cụ kinh tế và nguồn lực cho bảo vệ môi trường. Trong đó, thúc đẩy việc khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên.

Hà Tĩnh là một trong 6 tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 5.990,67 km², chiếm khoảng 1,8% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Tốc độ tăng trưởng

kinh tế bình quân hàng năm trong 30 năm (1991-2020) đạt 9,84%/năm, tăng trưởng nhanh qua từng giai đoạn và chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện, trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 4%/năm, đóng góp 1,77 điểm phần trăm/năm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng bình quân 16,38%/năm, đóng góp 3,22 điểm phần trăm/năm và khu vực dịch vụ tăng bình quân 11,26%/năm, đóng góp 4,85 điểm phần trăm/năm [7].

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển KT-XH của tỉnh những năm qua còn hạn chế, phát triển theo chiều rộng là chủ yếu, tập trung khai thác tiềm năng đất đai, tài nguyên và lao động; đầu tư về khoa học công nghệ trong sản xuất và chế biến chưa tương xứng nên chất lượng sản phẩm làm ra chưa cao, chủ yếu là sản phẩm thô [10]; chưa phát huy hết hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho phát triển kinh tế.

Vì vậy, nghiên cứu tiềm năng, giải pháp phát huy giá trị vốn tự nhiên cho phát triển KT-XH của tỉnh Hà Tĩnh có ý nghĩa quan trọng trong định hướng chiến lược phát triển bền vững của tỉnh trong thời gian tới.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở dữ liệu nghiên cứu từ dự thảo Quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2030, dữ liệu thuộc đề tài khoa học cấp Bộ “Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả” do Viện Địa lý nhân văn chủ trì, thực hiện năm 2021 - 2022; các số liệu thống kê, báo cáo có liên quan do địa phương cung cấp.

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp: các quan điểm, hệ thống lý thuyết liên quan đến phát huy vốn tự nhiên; các tài liệu,

chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có liên quan khác.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái niệm cơ bản về vốn tự nhiên

Theo OECD (2007), vốn tự nhiên là các tài sản tự nhiên trong vai trò cung ứng đầu vào nguồn tài nguyên tự nhiên và các dịch vụ môi trường cho quá trình sản xuất kinh tế. Còn UNDP (2012) cho rằng, vốn tự nhiên theo các thành phần cụ thể bao gồm: đất đai, khoáng sản, nhiên liệu hóa thạch, năng lượng mặt trời, nước, quần thể sinh vật sống và các dịch vụ được tạo ra bởi quá trình tương tác giữa tất cả các yếu tố này trong các hệ sinh thái [3].

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), vốn tự nhiên là các tài sản của thiên nhiên được sử dụng để phục vụ sản xuất và tiêu dùng, bao gồm sinh vật và các cấu phần vật chất của tự nhiên như đất, nước, khoáng sản và các nguyên liệu hóa thạch. Hàng hóa và dịch vụ được cung cấp từ nguồn vốn tự nhiên có giá trị quan trọng cho đời sống và sự phát triển của con người, như lương thực, nước, không khí, các dịch vụ văn hóa, tinh thần và hỗ trợ điều tiết chu trình sinh địa hóa [2].

Nội hàm của vốn tự nhiên bao gồm sinh vật (động vật và thực vật), các cấu phần vật chất của tự nhiên như đất, nước, khoáng sản mà khi đem sử dụng mang lại giá trị gia tăng đồng thời bảo toàn được giá trị của chính mình. Vốn tự nhiên bao gồm các hệ sinh thái (HST) tự nhiên tạo ra dòng hàng hóa, dịch vụ sinh thái có giá trị cho tương lai. Dòng các dịch vụ HST tạo ra các luồng lợi nhuận như thực phẩm, nước, các lợi ích tái tạo và văn hóa, sự thụ phấn, điều hòa khí hậu, điều hòa chất lượng không khí và kiểm soát dịch bệnh (Bảng 1) [5].

Bảng 1. Những hợp phần cấu thành của vốn tự nhiên [5]

Đa dạng sinh học	Hàng hóa và dịch vụ HST (ví dụ)	Giá trị kinh tế (ví dụ)
HST (loại hình và diện tích/quy mô)	- Giải trí - Điều hòa nước - Lưu giữ các bon	Tránh phát thải khí nhà kính (KNK) thông qua bảo tồn rừng: 3,7 nghìn tỷ USD
Các loài sinh vật (mức độ phong phú, đa dạng)	- Thức ăn, sợi, nhiên liệu - Cảm hứng thiết kế - Thụ phấn	Các côn trùng giúp thụ phấn đã đóng góp cho sản lượng nông nghiệp: khoảng 190 tỷ USD/năm
Nguồn gen (khả năng biến đổi và dân số)	- Khám phá trong y học - Kháng bệnh - Khả năng thích nghi	25 - 50% thị trường dược phẩm Mỹ (trị giá 640 tỷ USD) được trích từ nguồn gen

3.2. Vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp luôn được coi là ngành sản xuất quan trọng, có tiềm năng lớn của nước ta. Trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp càng tỏ rõ vai trò rất quan trọng, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và an ninh lương thực, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Tài sản thiên nhiên như rừng, đất ngập nước và lưu vực sông là các thành phần thiết yếu của vốn tự nhiên ở mỗi cấp độ HST. Những thành tố này có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định của chu trình nước và lợi ích đối với nông nghiệp, chu kỳ cacbon và vai trò trong giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, độ màu mỡ của đất và giá trị đối với sản xuất cây trồng, điều tiết khí hậu địa phương cho môi trường sống an toàn.

Các hàng hóa và dịch vụ được cung cấp từ nguồn vốn tự nhiên là trụ cột để đo đạc tăng trưởng kinh tế từ việc cung cấp đầu vào cho nông nghiệp, sản xuất và dịch vụ, tăng năng suất nông nghiệp và sự phụ thuộc vào dịch vụ cơ sở hạ tầng thông qua kiểm soát khí hậu.

Việc hài hòa giữa vốn tự nhiên, vốn con người, vật chất và xã hội sẽ góp phần tăng năng lực sản xuất. Theo nghiên cứu “Dấu chân sinh thái và đầu tư vào nguồn vốn tự nhiên ở châu Á và Thái Bình Dương” (WWF, 2012) cho thấy: cứ 1 USD đầu tư vào các nỗ lực bảo

tồn sẽ mang lại một giá trị KT-XH của các HST trị giá trên 100 USD [5]. Do vậy, cần quản lý tốt hơn nguồn vốn tự nhiên để đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững. Quản lý bền vững nguồn thủy sản đánh bắt có thể tăng doanh thu cho kinh tế. Phục hồi và tăng cường các dịch vụ của rừng đầu nguồn có thể góp phần tăng năng suất nông nghiệp. Bảo tồn đa dạng sinh học có thể tạo ra doanh thu thông qua du lịch dựa vào thiên nhiên.

3.3. Tiềm năng vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh

Một số dạng vốn tự nhiên chính phục vụ cho phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh được nhận diện như sau:

(1) Tài nguyên đất

Đất đai của Hà Tĩnh khá đa dạng, bao gồm 9 nhóm đất, trong đó: nhóm đất có diện tích lớn nhất là đất Acrisols (đất xám) chiếm 64,72% diện tích tự nhiên; nhóm đất phù sa (Fluvisols) 16,98% diện tích tự nhiên; nhóm đất cát (Arenosols) chiếm 6,47% diện tích tự nhiên; nhóm đất tầng mỏng (Leptosols) chiếm 5,25% diện tích tự nhiên, nhóm đất glây (Gleysols) chiếm 2,4% diện tích tự nhiên; còn lại các nhóm đất khác có diện tích không đáng kể, phân bố rải rác trên toàn tỉnh [12].

Theo đánh giá, đất đai của tỉnh Hà Tĩnh thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây dài ngày. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của biến

đổi khí hậu (BĐKH) đã làm gia tăng hoạt động hủy hoại đất đai như: xói mòn, rửa trôi, khô hạn, ngập úng, lũ quét và sạt lở [8].

(2) Tài nguyên rừng

Hà Tĩnh là một trong những tỉnh có tài nguyên rừng (gồm: diện tích rừng và đất có rừng) tương đối lớn so với cả nước, với 74% số xã trong tỉnh đều có đất rừng. Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng của Hà Tĩnh năm 2019 là 328.906,58 ha, trong đó: rừng sản xuất 146.832,65 ha (chiếm 44,64% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng); rừng phòng hộ 108.163,84 ha (chiếm 32,89% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng); rừng đặc dụng 73.910,09 ha (chiếm 22,47% tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng) [8, 10].

Rừng sản xuất gồm rừng tự nhiên và rừng trồng; rừng trồng sản xuất chủ yếu là keo các loại, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Đối với rừng phòng hộ, ngoài hai loại cây lâm nghiệp thông và keo còn có các loại cây bản địa có tính năng phòng hộ bền vững như lim xanh, còng trắng, rê hương, dổi xanh. Rừng phòng hộ có vai trò rất quan trọng trong bảo vệ môi trường và kiểm soát lũ lụt ở địa phương. Rừng đặc dụng tương đối đa dạng với trên 86 họ và 500 loài cây gỗ. Trong đó có nhiều loài gỗ quý như lim xanh, sến, táu mật, đinh, gu, pomu...

Ngoài ra, hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển Hà Tĩnh cũng khá phong phú, có nhiều loại thực động vật thủy sinh có giá trị kinh tế cao và tập trung phần lớn ở khu vực các cửa sông lớn như: cửa Hội, cửa Sót, cửa Nhượng, cửa Khẩu...

Với tiềm năng vốn tự nhiên rừng, có thể khẳng định rừng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh rất phong phú, đa dạng. Đây là nguồn tài nguyên sinh học vô giá cần được giữ gìn và phát triển phục vụ mục đích kinh tế (đặc biệt là phát triển công nghiệp chế biến gỗ), cũng như mục đích nghiên cứu khoa học (dược liệu, công nghệ sinh học) và tham quan du lịch (đặc biệt là phát triển du lịch sinh thái).

(3) Tài nguyên nước

Hà Tĩnh rất giàu có về tài nguyên nước nhờ hệ thống sông suối, hồ đập khá dày đặc. Hệ thống nguồn nước dồi dào của tỉnh bao gồm: sông, suối, hồ chứa tự nhiên và lượng nước mưa khá cao. Tuy nhiên, do phân bố không đồng đều giữa các mùa trong năm và giữa các vùng, khu vực nên vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước cho các ngành KT-XH [8].

Toàn tỉnh Hà Tĩnh có trên 30 con sông lớn, nhỏ với tổng chiều dài trên 400 km. Các sông lớn có diện tích tổng lưu vực khoảng 5.436 km², trong đó sông La được hợp thành bởi sông Ngàn Sâu và sông Ngàn Phố tạo thành lưu vực rộng 3.226 km²; sông Cửa Sốt được hợp thành bởi sông Nghèn và sông Rào Cái có lưu vực rộng 1.349 km²; sông cửa Nhượng gồm có nhánh sông Gia Hội và sông Rác hợp thành, có lưu vực 356 km²; sông cửa Khẩu là hợp lưu của sông Kinh, sông Trí, sông Quyền với lưu vực rộng 510 km²... đã tạo cho Hà Tĩnh nguồn nước dồi dào khoảng 10,7 tỷ m³/năm [8].

Nguồn nước mặt ở Hà Tĩnh khá phong phú nhờ hệ thống ao hồ sông ngòi dày đặc. Do có nhiều cửa sông, cửa lạch nên đã tạo ra những bãi triều rộng lớn, tạo thuận lợi cho Hà Tĩnh trong phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ cũng như nước ngọt.

Ngoài ra, ở vùng cửa sông và các eo vịnh cũng có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè. Nguồn lợi thủy sản nước lợ ở Hà Tĩnh khá phong phú về cả số lượng và thành phần loài như: tôm sú, tôm he, tôm rảo, tôm gai; và cá nước lợ cũng có nhiều loài có giá trị kinh tế cao như: cá đối, cá sù vàng... Bên cạnh đó, còn có cua ghe, rong biển và các loài nhuyễn thể.

(4) Tài nguyên biển

Hà Tĩnh có đường bờ biển dài 137 km, là một trong những tỉnh có bờ biển dài nhất Việt Nam, với diện tích mặt nước là 18.400 km², có 4 sông lớn được hợp thành bởi các nhánh sông (sông La, Cửa Sốt, Cửa Nhượng, Cửa Khẩu) và nhiều

vũng vịnh nước sâu nên đã tạo thuận lợi để xây dựng các cảng biển, cảng cá, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản cũng như phát triển vận tải đường biển [11]. Nước biển Hà Tĩnh có nồng độ muối cao, chất lượng môi trường tốt nên có nhiều thuận lợi để phát triển nghề muối phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp.

Hà Tĩnh có 2 cảng chính là cảng Vũng Áng - Sơn Dương và cảng Xuân Hải. Trong đó, cụm cảng biển Vũng Áng - Sơn Dương đã được quy hoạch là cảng chuyên dụng và tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực và là cảng loại I trong hệ thống cảng biển quốc gia. Hà Tĩnh còn có nhiều cảng cá nhỏ nằm dọc theo bờ biển, tuy nhiên các cảng này chưa được đầu tư hoặc đầu tư hạn chế cơ sở hạ tầng nên chưa phát triển và không phù hợp để hỗ trợ đánh bắt xa bờ với quy mô lớn.

Hà Tĩnh có tiềm năng lớn để khai thác và nuôi trồng thủy sản. Về đánh bắt hải sản, trữ lượng cá ước tính 86.000 tấn với 45.000 tấn cá đáy và 41.000 tấn cá nổi. Tuy nhiên, sản lượng đánh bắt hiện nay còn thấp, chiếm dưới 1% sản lượng cá nước và chỉ chiếm 3% sản lượng khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Ngành nuôi trồng thủy hải sản cũng diễn ra tình trạng tương tự, sản lượng chỉ chiếm 0,3% cá nước và 6% của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung [7].

Người dân đang dần chuyển sang phương thức đánh bắt thủy sản có giá trị kinh tế, giá trị xuất khẩu lớn từ đó hình thành các tổ, đội nghề cá trên biển hỗ trợ phát triển kinh tế, ngư trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cũng như hình thành các mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển một cách bền vững. Ngoài ra, phát triển nuôi thâm canh, công nghiệp, công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản; phát triển các loài cá có giá trị kinh tế cao, giống mới và thủy đặc sản luôn được tỉnh chú trọng. Tuy nhiên, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy hải sản ở Hà

Tĩnh còn thủ công, sử dụng nhiều lao động, chưa được đầu tư phát triển và mạnh mẽ.

3.4. Nhận diện yếu tố tác động đến vốn tự nhiên của tỉnh Hà Tĩnh

(1) Nguy cơ tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu

Thời gian qua, Hà Tĩnh đã phải trải qua nhiều loại thiên tai khác nhau, như: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, sét; lũ lụt; xói lở bờ biển, bờ sông và bồi lắng; hạn hán và gió khô; sự cố môi trường; sự cố cháy rừng; và sự cố tràn dầu trên biển. Tỉnh cũng phải đối mặt với nguy cơ thiên tai tăng cao trước tác động của BĐKH [9].

Theo báo cáo của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (2016), trong 54 năm qua (từ năm 1961 đến 2014), nhiệt độ không khí trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế tăng lên với tốc độ tăng tương đối đồng đều tại các trạm quan trắc, từ 0,1 - 0,2⁰C/thập kỷ. Trong đó nhiệt độ tại huyện Hương Khê có tốc độ tăng nhanh nhất. Về lượng mưa hàng năm, ở các trạm quan trắc không thể hiện một xu thế đồng nhất mà có sự xen kẽ giữa xu thế giảm và xu thế tăng. Trong khi lượng mưa hàng năm có xu thế giảm tại 2 trạm ven biển Hà Tĩnh và Kỳ Anh với tốc độ giảm tương ứng là 44,7 mm/thập kỷ và 55,2 mm/thập kỷ thì xu thế tăng được nhìn thấy ở trạm Hương Khê với tốc độ xấp xỉ 26 mm/thập kỷ [10]. Như vậy, tốc độ tăng lượng mưa tại trạm Hương Khê nhỏ hơn so với tốc độ giảm lượng mưa của hai trạm còn lại. Tương tự, lượng bốc hơi năm ở khu vực tỉnh Hà Tĩnh có sự xen kẽ giữa xu thế giảm và tăng giữa các trạm. Trong đó, lượng bốc hơi năm có xu thế giảm tại các trạm Hương Khê và Kỳ Anh với tốc độ 32 - 47 mm/thập kỷ và tăng tại trạm Hà Tĩnh với tốc độ 22 mm/thập kỷ. Trong thời kỳ 1961 - 2014, độ ẩm tương đối trung bình năm ở tỉnh Hà Tĩnh có xu thế giảm nhẹ với tốc độ giảm từ 0,03 - 0,96%/thập kỷ. Tốc độ giảm nhanh nhất ở trạm Hà Tĩnh và nhỏ nhất tại trạm Kỳ Anh [8].

Trong Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường (công bố năm 2016), Kịch bản RCP 8.5 (tương đương kịch bản A1F1 - kịch bản phát thải cao), đối với tỉnh Hà Tĩnh: nhiệt độ trong giai đoạn 2016 - 2035 tăng trung bình $0,9^{\circ}\text{C}$ ($0,6 - 1,3$), giai đoạn 2046 - 2065 tăng khoảng $1,9^{\circ}\text{C}$ ($1,3 - 2,8$) và giai đoạn 2080 - 2099 là $3,5^{\circ}\text{C}$ ($2,8 - 4,8$); xu hướng tăng lượng mưa trung bình: giai đoạn 2016 - 2035 là 12,9% ($6,8 - 19,8$), giai đoạn 2046 - 2065 là 14,1% ($8,2 - 19,6$), giai đoạn 2080 - 2099 là 14,78% ($10,6 - 24,4$) [8]. Mặt khác, theo các kịch bản nước biển dâng, khi mực nước biển dâng 50 cm thì 0,86% diện tích của tỉnh có nguy cơ ngập và 2,12% khi nước biển dâng 100 cm.

Hà Tĩnh có bờ biển dài, BĐKH ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp) đến hầu hết các lĩnh vực KT-XH của Hà Tĩnh. Tác động của BĐKH dễ dàng nhận diện trên phạm vi rộng, cụ thể:

- Tài nguyên đất: BĐKH gây nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp; những khu vực thường bị ảnh hưởng, tác động của BĐKH là các xã ven biển.

- Tài nguyên nước: Hà Tĩnh đã và đang phải đối mặt với những diễn biến bất thường của thời tiết, đứng trước những thách thức lớn về tài nguyên nước.

Chế độ mưa thay đổi gây lũ nghiêm trọng vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô; làm gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước tưới nông nghiệp. Biến đổi khí hậu cũng làm gia tăng về cường độ và tần suất các cơn bão, dông tố, gây lũ lớn và ngập lụt, lũ quét, trượt lở đất và xói mòn; làm gia tăng thiếu hụt nước, đòi hỏi đáp ứng cấp nước và mâu thuẫn trong sử dụng nước hiện nay.

Tình trạng xâm nhập mặn ăn sâu vào nội địa đang diễn ra ngày một nghiêm trọng. Tại cống Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh - nơi cung cấp nguồn nước cho hệ thống thủy lợi sông Nghèn đã bị nhiễm mặn nghiêm trọng ở mức 0,36% [8]; một số xã của huyện Thạch Hà, nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm mặn buộc người dân phải chi số

tiền lớn mua nước sạch đóng thùng để sử dụng; biến đổi về dòng chảy kéo theo sự gia tăng độ mặn trên các sông Cửa Hội, Cửa Sốt, Cửa Nhượng... đang đặt ra những thách thức lớn về tài nguyên nước [8].

- Tài nguyên biển: BĐKH gây nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm và phá hủy các hệ sinh thái ven bờ. Lượng mưa lớn và cường độ nhiều sẽ làm cho nồng độ muối giảm đi trong một thời gian, và điều này ảnh hưởng đến sinh vật nước lợ và ven bờ, đặc biệt là nhuyễn thể hai vỏ như: ngao, sò... Những khu vực thường bị ảnh hưởng, tác động bởi BĐKH gồm các xã vùng thấp của huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên và thị xã Kỳ Anh.

- Tài nguyên rừng: BĐKH có thể gây nguy cơ diệt chủng một số loài động vật và thực vật; một số loài động vật và thực vật quý hiếm có thể bị suy kiệt và tuyệt chủng. Nhiệt độ và mức độ khô hạn gia tăng cũng làm tăng nguy cơ cháy rừng và phát triển mạnh các hiện tượng sâu bệnh, dịch bệnh.

Ngoài ra, BĐKH có tác động lớn đến sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh gây hại cây trồng; đồng thời gây ra nhiều bệnh dịch cho gia súc, gia cầm và ảnh hưởng đến sinh sản, phát triển của gia súc, gia cầm. BĐKH ngày càng tăng về tần suất và cường độ (hiện tượng bão, lốc, thời tiết khô nóng, lũ lụt, hạn hán...) làm giảm năng suất và sản lượng của các cây trồng và vật nuôi.

(2) Tác động từ việc sử dụng vốn tự nhiên đất đai, tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả

Thống kê giai đoạn 2011 - 2019, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu phát triển theo chiều rộng, năng suất lao động thấp và năng lực cạnh tranh yếu, tiềm năng và lợi thế chưa được khai thác hiệu quả [7]. Việc sử dụng các nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là tài

nguyên đất, tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp chưa hiệu quả [10]. Chủ thể sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ nông dân với cách làm truyền thống, tích lũy về vốn thấp, trình độ hạn chế nên việc tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, quy mô lớn, chất lượng và an toàn thực phẩm mức độ cao là rất khó [4].

Hiện nay, quỹ đất nông nghiệp chiếm 80,68% tổng diện tích đất toàn tỉnh, tuy nhiên đóng góp về năng suất lao động và tốc độ tăng trưởng cũng như tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp lại ở mức thấp nhất so với các ngành còn lại [4].

Ruộng đất sản xuất tuy đã được chuyển đổi nhưng vẫn còn manh mún. Quá trình tích tụ đất nông nghiệp diễn ra chậm gây khó khăn cho ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, tại một số địa phương đã bắt đầu có tình trạng nông dân bỏ ruộng, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất [4].

Tài nguyên nước ở khu vực nông thôn chưa được quan tâm và bảo vệ một cách hữu hiệu. Tình trạng suy giảm về nguồn nước đang có dấu hiệu gia tăng, đặc biệt là trong mùa khô. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng chưa có biện pháp cụ thể để phục hồi, bảo vệ tài nguyên nước trên các lưu vực sông, hồ, đập, đặc biệt những khu vực đã và đang bị và có nguy cơ suy thoái, ô nhiễm [9]. Tình trạng xâm nhập mặn đang ngày càng có dấu hiệu gia tăng đặc biệt vào mùa khô. Các công trình ngăn mặn, điều tiết nước đang xuống cấp gây ra tình trạng thiếu nước ở rất nhiều địa phương [8]. Chính những vấn đề này đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến ngành sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân nông thôn.

(3) Tác động từ việc chưa chú trọng áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp

Quy mô các dự án đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp còn nhỏ, số vốn đăng ký mới chỉ

chiếm 3,7% tổng số vốn các dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư toàn tỉnh... Các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học ứng dụng thành công ở một số mô hình, sản phẩm, nhưng việc nhân ra diện rộng còn chậm, nhất là đối với sản xuất quy mô nhỏ lẻ của các hộ nông dân; trình độ công nghệ sản xuất nhiều sản phẩm ở tỉnh Hà Tĩnh còn thấp và lạc hậu. Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ khó khăn, giá cả không ổn định [4, 10].

Tốc độ phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản thấp. Giá trị sản lượng tính trên đơn vị diện tích nuôi trồng thủy sản Hà Tĩnh thấp hơn so với mức bình quân cả nước [7]. Đầu tư cho khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa tạo được vùng sản xuất chuyên canh có tính vượt trội về chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để tạo sự khác biệt nên sản phẩm làm ra trong nhiều trường hợp khó tiêu thụ, giá bán bấp bênh. Nông sản chủ yếu được bảo quản tại nhà sau khi thu hoạch, dẫn đến hao hụt sản phẩm một cách không cần thiết.

Ngoài ra, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản kém phát triển. Sản xuất thiếu liên kết với thị trường thông qua các kênh tiêu thụ ổn định và có tổ chức, cũng như không được hỗ trợ mạnh mẽ và hiệu quả từ các nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào và dịch vụ kỹ thuật [4].

3.5. Một số giải pháp phát huy vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh

(1) Giải pháp bảo tồn vốn tự nhiên thích ứng với biến đổi khí hậu

Tập trung việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ cao phục vụ có hiệu quả chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Nghiên cứu áp dụng các phương pháp tưới tiết kiệm nước, phù hợp địa hình, điều kiện của từng vùng sản xuất; thực hiện các giải pháp hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; hiện đại hóa, phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp; bảo đảm 100% diện tích cây trồng chủ động đủ nguồn nước tưới, phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung và ứng dụng mạnh mẽ hệ thống tưới tiết kiệm cho cây trồng cạn chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh theo từng địa phương.

(2) Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tự nhiên đất đai, tài nguyên nước

Chuyển đổi, tích tụ ruộng đất, hướng tới tập trung ruộng đất quy mô lớn tạo điều kiện cho áp dụng cơ giới hóa, hiện đại hóa tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp, tạo thuận lợi thu hút các nhà đầu tư vào phát triển cụm ngành nông, lâm, thủy sản.

Thực hiện chính sách tích tụ và tập trung đất đai thông qua dồn điền đổi thửa; đồng thời xây dựng và ban hành quy định của tỉnh trong việc thu hồi, giao, cho thuê đất để làm căn cứ cho các cấp chỉ đạo thực hiện. Đảm bảo lựa chọn đúng đối tượng có khả năng đầu tư phát triển sản xuất, khuyến khích các tổ chức kinh tế thuê đất để đầu tư phát triển sản xuất.

Bảo vệ các nguồn sinh thủy: bảo vệ tài nguyên rừng, quy hoạch rừng phòng hộ gắn với các công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Duy trì dòng chảy tối thiểu trên các dòng sông chính như sông Ngàn Phố, Ngàn Trươi, Ngàn Sâu, sông La, sông Nhè, sông Rào Cái, sông Quyền...

Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên các đoạn sông, khu vực ven biển. Để công tác quản lý, khai thác tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt hiệu quả, đòi hỏi cần có sự vào cuộc của ngành chức năng và địa phương, nâng cao ý thức trong việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của mọi tầng lớp nhân.

(3) Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng khoa học, kỹ thuật

Tập trung chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, trên cơ sở cơ cấu lại sản xuất từng ngành, lĩnh vực, địa phương, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vốn tự nhiên. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến; tăng cường giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, quy mô lớn tập trung. Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh đều áp dụng các công nghệ bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị và thu nhập cho người sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, khép kín chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi từ cung ứng giống, vật tư đầu vào khác, kỹ thuật nuôi đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh khai thác xa bờ, hiện đại hóa hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu dịch vụ hậu cần và trang, thiết bị bảo quản trên tàu; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác - cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển - chế biến thủy sản, gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

Tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống của tỉnh theo hướng ưu tiên đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao, gia tăng tỷ lệ chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm để hình thành sản phẩm công nghiệp nông thôn,

sản phẩm OCOP có thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa...

4. Kết luận

Hà Tĩnh có nhiều lợi thế về vốn tự nhiên như tài nguyên đất, nước, rừng, biển... phục vụ cho phát triển nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển KT-XH của Hà Tĩnh những năm qua còn hạn chế, phát triển theo chiều rộng là chủ yếu; khai thác tiềm năng đất đai và các nguồn vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng.

Những yếu tố ảnh hưởng đến vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh

đó là tác động của BĐKH, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn tự nhiên thấp, chưa chú trọng và áp dụng hiệu quả các tiến bộ, khoa học vào trong khai thác vốn tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và phát huy vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp bảo tồn vốn tự nhiên thích ứng với BĐKH, quy hoạch và sử dụng hiệu quả vốn tự nhiên đất đai, tài nguyên nước, tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học, kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên.

Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Bộ "Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu Sông Cả" do Viện Địa lý nhân văn chủ trì, TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fenichel E., Hashida Y. (2019), *Choices and the value of natural capital*, Oxford Review of Economic Policy 35(1)/2019, 120-137.
2. Kim Thị Thúy Ngọc (2014), *Vai trò của vốn tự nhiên trong thực hiện các mục tiêu về Tăng trưởng xanh*, Tạp chí Môi trường, số 9/2014.
3. Kim Thị Thúy Ngọc, Nguyễn Văn Tài (2015), *Vai trò của vốn tự nhiên trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững*, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội, số 6/2015.
4. Nguyễn Huy Hùng (2021), *Hà Tĩnh phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, hướng đến trở thành tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới*, Tạp chí Cộng sản, số 8/2021.
5. Nguyễn Thế Chinh (2019), *Báo cáo tổng hợp dự án điều tra, khảo sát hoàn thiện chính sách thúc đẩy phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên*. Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.
6. Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2019, 2020.
7. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Tình hình kinh tế - xã hội Hà Tĩnh 30 năm (1991 - 2020)*.
8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (2018), *Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
9. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020*.
10. UBND tỉnh Hà Tĩnh (2020), *Dự thảo quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Báo cáo tổng hợp.
11. Viện Quy hoạch và kiến trúc xây dựng Hà Tĩnh (2014), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
12. Viện Quy hoạch và thiết kế Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2005), *Tài nguyên đất và bản đồ đất tỉnh Hà Tĩnh theo FAO/UNESCO*.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Thị Bích Nguyệt - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Email: nguyetnb@gmail.com
Điện thoại: 0912322759

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 08/11/2021
Biên tập: 11/2021